

From the Tournament-Database of Chess-Results <https://chess-results.com>  
**GIẢI VÔ ĐỊCH CỜ TƯỚNG XUẤT SẮC QUỐC GIA NĂM 2026 Cờ chớp nam TC**

آخر تحديث: 6  
 ترتيب الـ

| رقم | اسم اللاعب              | رقم دولي | اتحاد | تقييم دولي | BdId | نادي/مدينة      |
|-----|-------------------------|----------|-------|------------|------|-----------------|
| 1   | Nguyễn, Thành Bảo       | 23100385 | DON   | 2498       |      | Đồng Nai        |
| 2   | Nguyễn, Minh Nhật Quang | 24040005 | HCM   | 2414       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 3   | Hà, Văn Tiến            | 24040003 | DON   | 2271       |      | Đồng Nai        |
| 4   | Đào, Văn Trọng          | 24040017 | QNI   | 2260       |      | Quảng Ninh      |
| 5   | Võ, Văn Hoàng Tùng      | 23100250 | DAN   | 2253       |      | Đà Nẵng         |
| 6   | Diệp, Khai Nguyên       | 24040001 | HCM   | 2245       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 7   | Phan, Nguyễn Công Minh  | 24040011 | HCM   | 2236       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 8   | Phan, Trọng Tín         | 23100326 | HCM   | 2228       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 9   | Phí, Mạnh Cường         | 23100084 | QNI   | 2216       |      | Quảng Ninh      |
| 10  | Nguyễn, Anh Mẫn         | 23100249 | DAN   | 2207       |      | Đà Nẵng         |
| 11  | Đặng, Cửu Tùng Lâm      | 24040006 | DON   | 2203       |      | Đồng Nai        |
| 12  | Chu, Tuấn Hải           | 23100387 | DON   | 2200       |      | Đồng Nai        |
| 13  | Tôn, Thất Nhật Tân      | 23100243 | DAN   | 2183       |      | Đà Nẵng         |
| 14  | Vũ, Quốc Đạt            | 24040010 | HCM   | 2183       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 15  | Trần, Chánh Tâm         | 24040012 | HCM   | 2171       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 16  | Đào, Quốc Hưng          | 23100317 | HCM   | 2159       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 17  | Dương, Đình Chung       | 24040015 | QNI   | 2159       |      | Quảng Ninh      |
| 18  | Nguyễn, Anh Quân        | 23100388 | QNI   | 2158       |      | Quảng Ninh      |
| 19  | Ngô, Ngọc Minh          | 24040013 | DON   | 2147       |      | Đồng Nai        |
| 20  | Vũ, Hữu Cường           | 24040004 | DON   | 2141       |      | Đồng Nai        |
| 21  | Nguyễn, Quang Nhật      | 24040009 | QNI   | 2139       |      | Quảng Ninh      |
| 22  | Nguyễn, Văn Bon         | 23100324 | DON   | 2138       |      | Đồng Nai        |
| 23  | Đặng, Hữu Trang         | 24040007 | HNO   | 2132       |      | Hà Nội          |
| 24  | Đoàn, Đức Hiền          | 24040021 | HCM   | 2109       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 25  | Đào, Duy Khánh          | 24120117 | QNI   | 2103       |      | Quảng Ninh      |
| 26  | Dương, Hồ Bảo Duy       | 23100325 | DON   | 2068       |      | Đồng Nai        |
| 27  | Trần, Thanh Tân         | 24040022 | HCM   | 2065       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 28  | Trương, Đình Vũ         | 23100252 | DAN   | 2064       |      | Đà Nẵng         |
| 29  | Nguyễn, Trường Phúc     | 24060095 | DON   | 2060       |      | Đồng Nai        |
| 30  | Huỳnh, Hào Phát         | 25050117 | HCM   | 2047       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 31  | Trần, Huỳnh Sĩ La       | 23100246 | DAN   | 2042       |      | Đà Nẵng         |
| 32  | Nguyễn, Trần Đỗ Ninh    | 24040019 | HCM   | 2035       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 33  | Vũ, Hồng Sơn            | 23100085 | BNI   | 2032       |      | Bắc Ninh        |
| 34  | Đỗ, Như Khánh           | 24120006 | DON   | 2026       |      | Đồng Nai        |
| 35  | Nguyễn, Khánh Ngọc      | 24040018 | DAN   | 2025       |      | Đà Nẵng         |
| 36  | Đình, Tú                | 24040020 | BNI   | 2015       |      | Bắc Ninh        |
| 37  | Trần, Tiến Huy          | 24090001 | HCM   | 2003       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 38  | Chu, Đức Huy            | 24060274 | QNI   | 1986       |      | Quảng Ninh      |
| 39  | Nguyễn, Hoàng Lâm       | 23100351 | HCM   | 1915       |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 40  | Nguyễn, Mạnh Hải        | 23100088 | TNG   | 1914       |      | Thái Nguyên     |
| 41  | Bùi, Sơn Tùng           | 24120115 | QNI   | 1894       |      | Quảng Ninh      |
| 42  | Phạm, Quý Cường         | 25100220 | TNG   | 1858       |      | Thái Nguyên     |
| 43  | Nguyễn, An Tấn          | 24090095 | DON   | 1813       |      | Đồng Nai        |
| 44  | Lương, Đức Hoàng        | 25100528 | QNI   | 1807       |      | Quảng Ninh      |
| 45  | Nguyễn, Minh Hưng       | 24090036 | DON   | 1800       |      | Đồng Nai        |
| 46  | Nguyễn, Đại Thắng       | 25100247 | HNO   | 1798       |      | Hà Nội          |
| 47  | Hoàng, Mạnh Hùng        | 24060241 | BNI   | 1797       |      | Bắc Ninh        |
| 48  | Giáp, Xuân Cường        | 24060239 | BNI   | 1783       |      | Bắc Ninh        |
| 49  | Lê, Trí Bách            | 24060229 | DAN   | 1747       |      | Đà Nẵng         |

You find all details to this tournament under <https://chess-results.com/tmr1502369.aspx?lan=35>

**Chess-Tournament-Results-Server: Chess-Results**